



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Bắc Minh

Ngày 30/09/2025	34,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.0%	2.7%	2.8%

DT thuần Q3/25
90.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.8 40.2%
YoY: ▼7.20 -7.4%

LN thuần Q3/25
52.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.4 49.4%
YoY: ▼8.70 -14.3%

LN sau thuế Q3/25
47.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.3 53.0%
YoY: ▼9.60 -16.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
58.9%
YoY: +/-▲ 3.6%

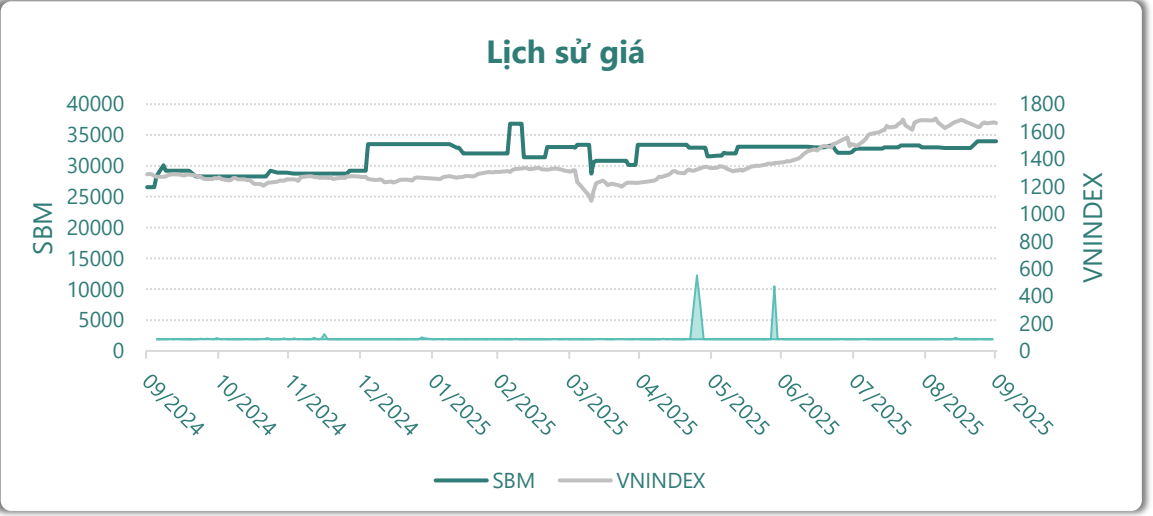
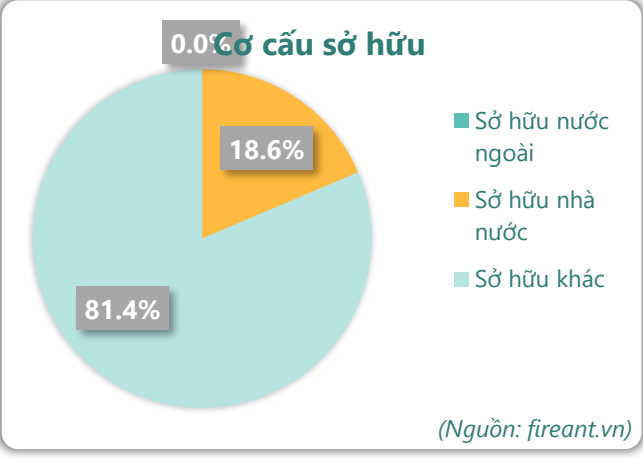
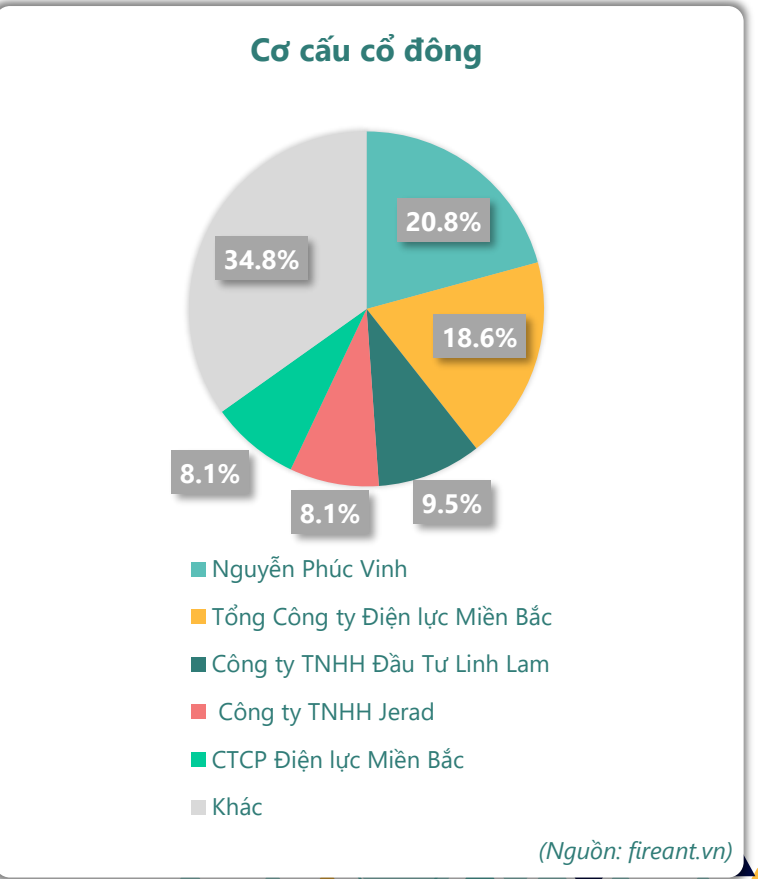
ROE (TTM) Q3/25
22.4%
YoY: +/-▼ 2.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	26,544 - 36,827
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,532
Số lượng CPLH (CP)	45,044,953
KLGD BQ 20 phiên (CP)	560
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.20
EPS	3,026
P/E	11.2

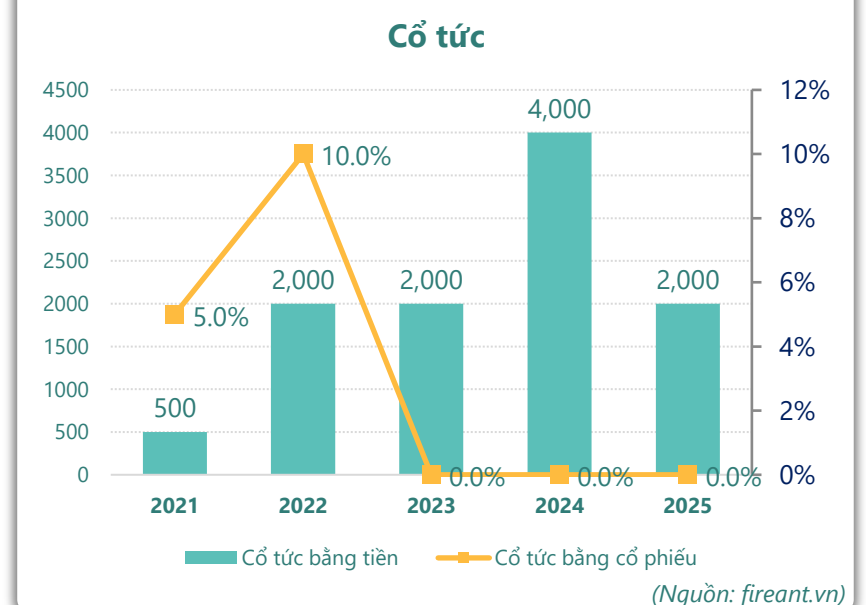
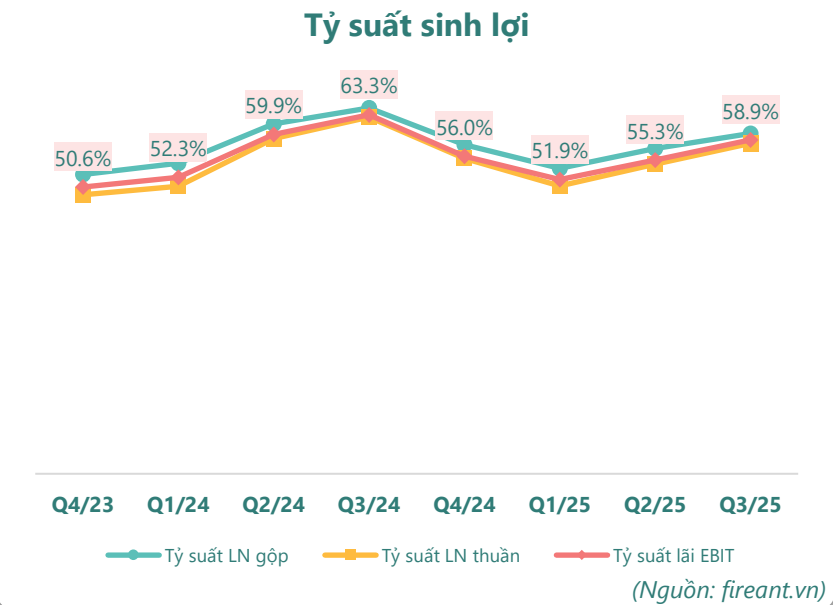
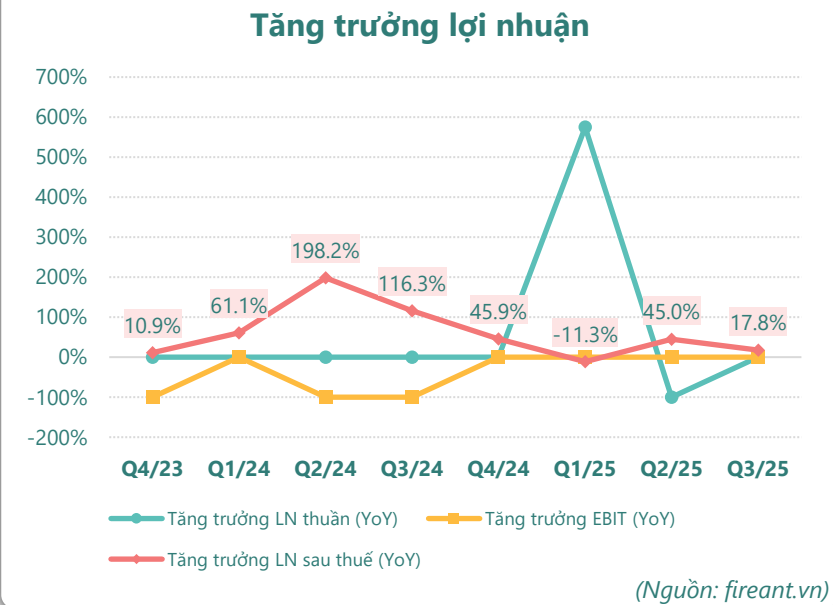
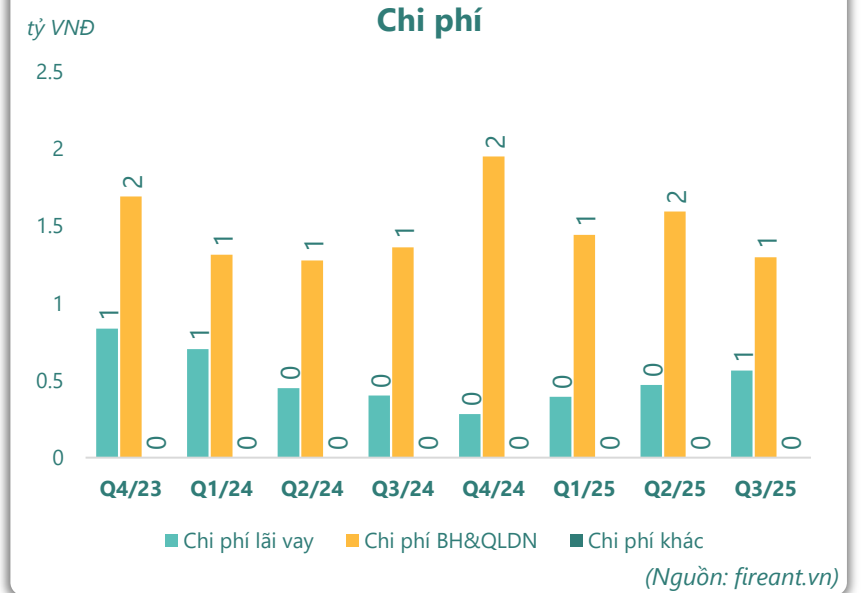
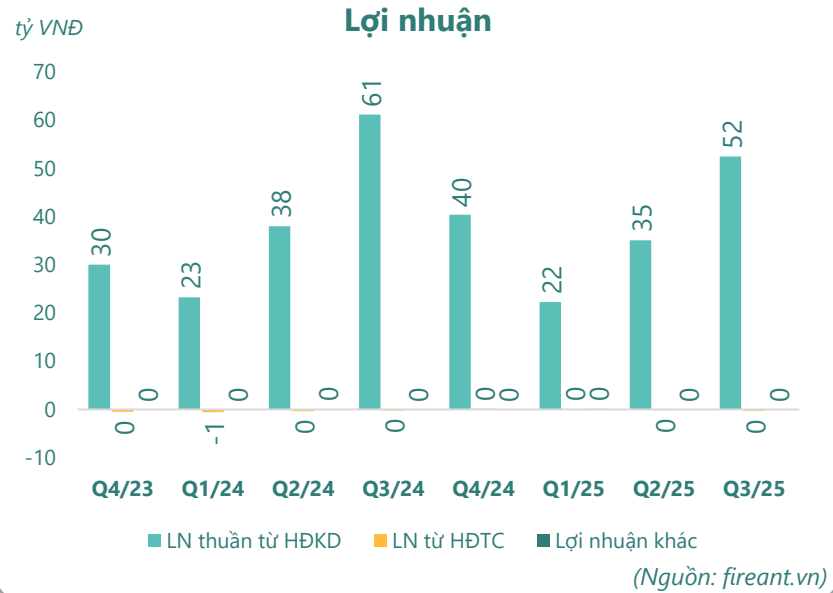
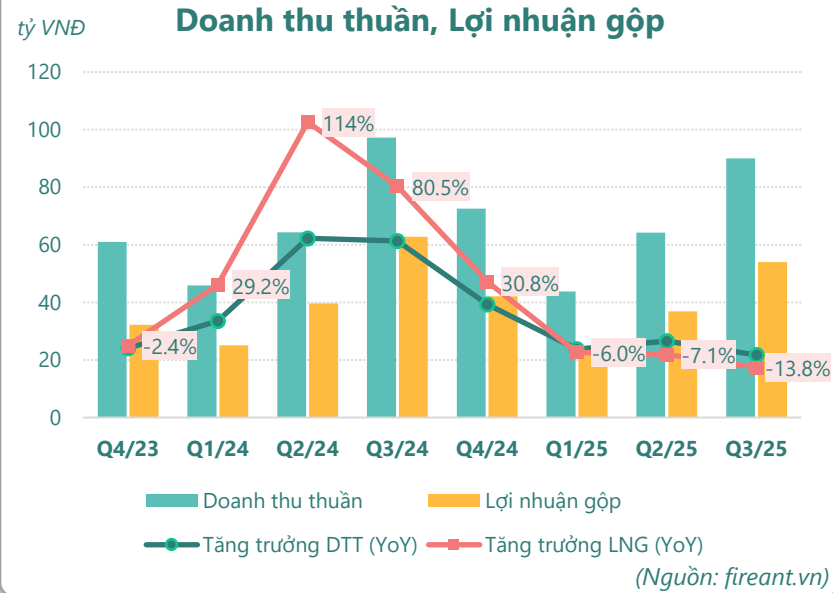
DT thuần 9T 2025
198
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.00 -4.5%

LN thuần 9T 2025
110
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.0 -10.3%

LN sau thuế 9T 2025
98.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.3 -12.8%



KẾT QUẢ KINH DOANH

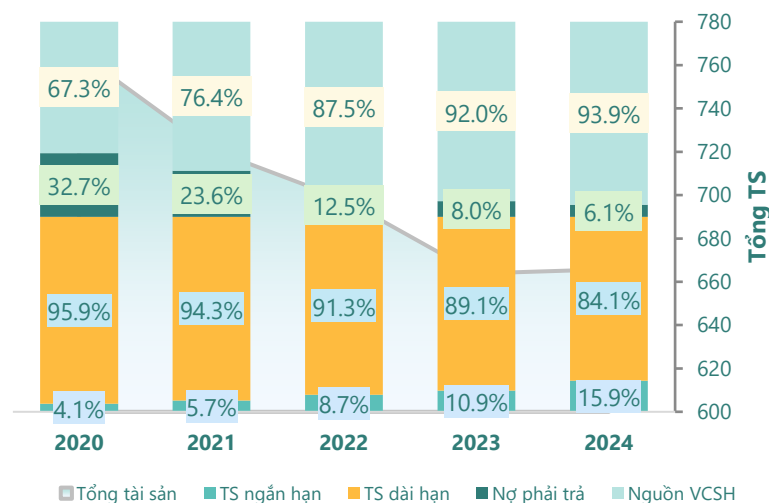




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

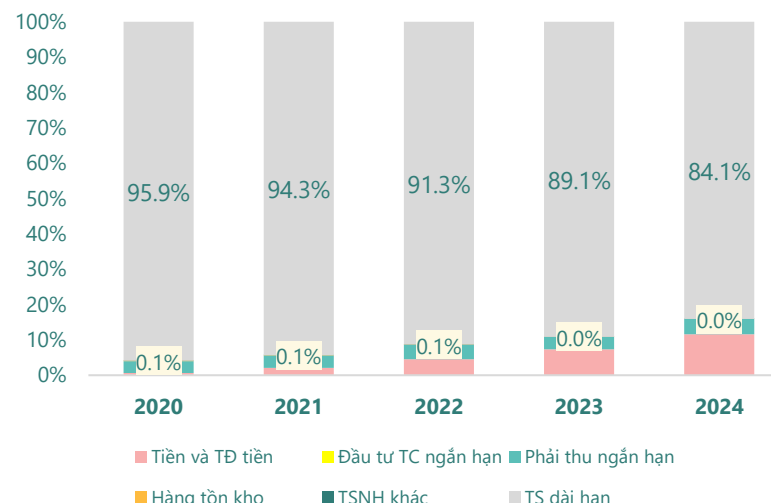
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

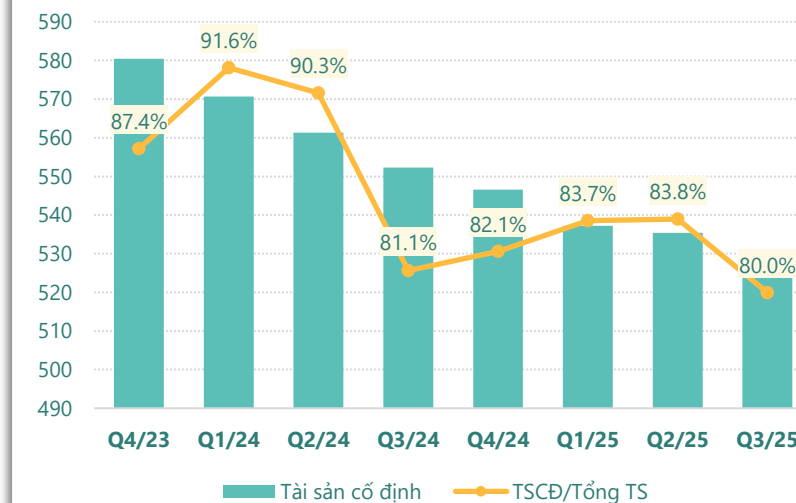
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

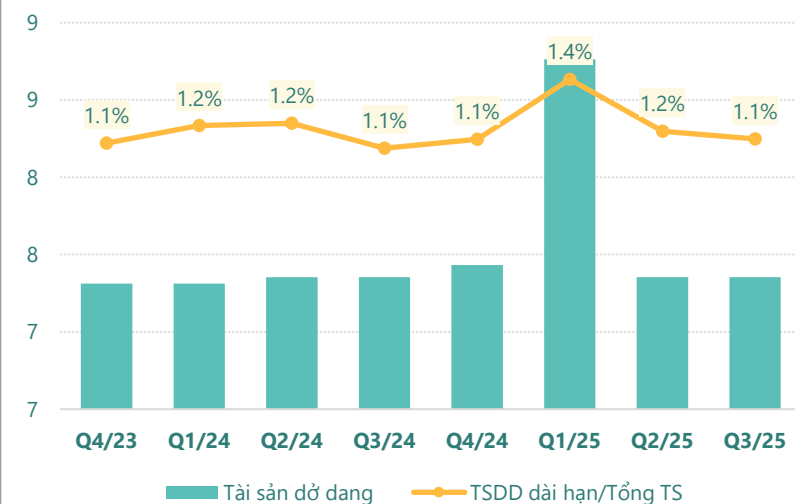
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

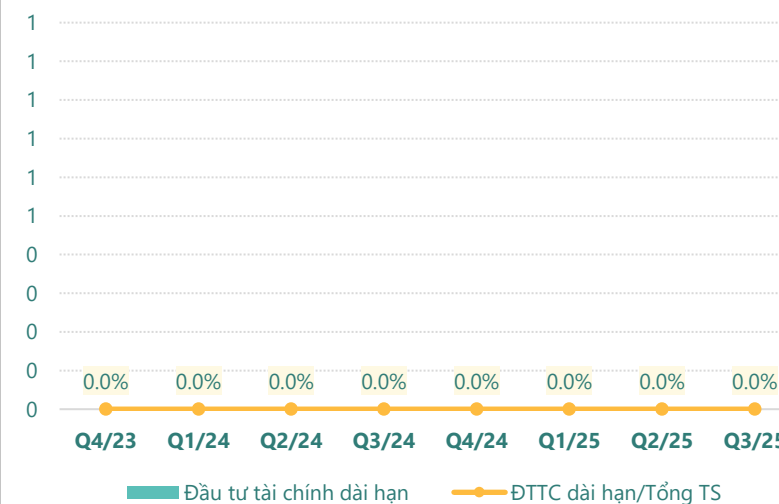
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

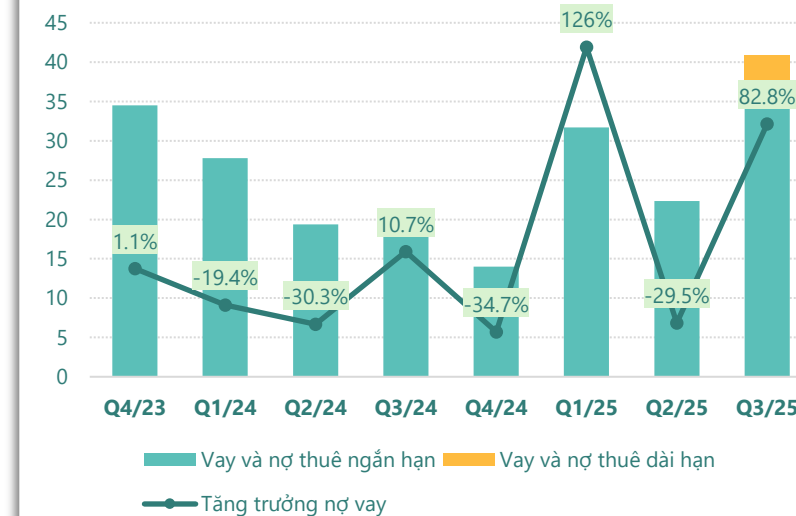
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

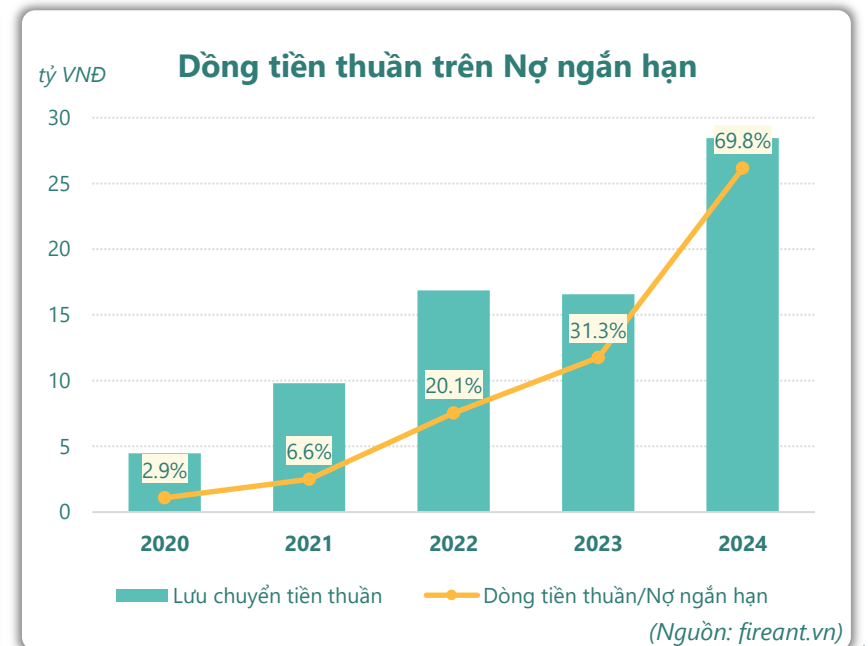
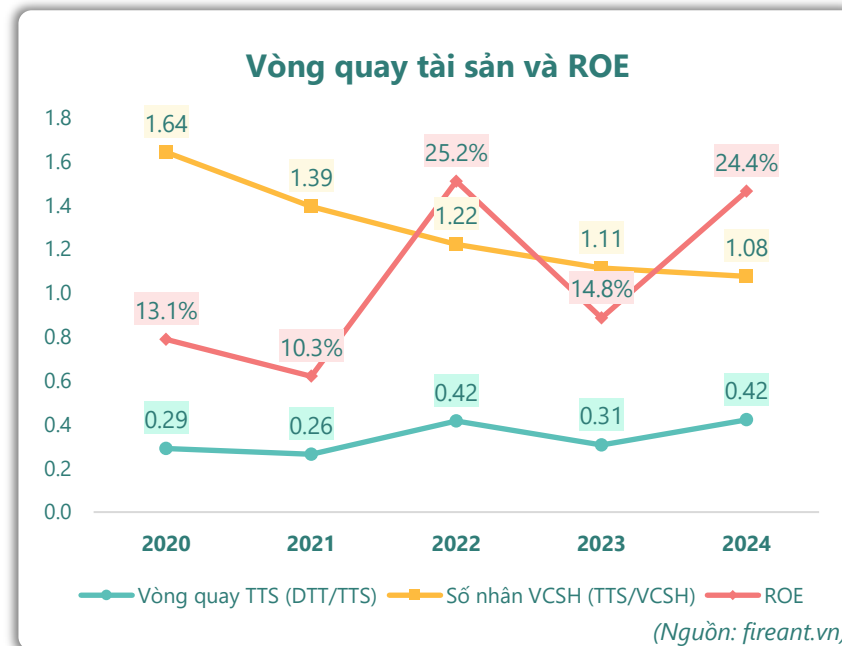
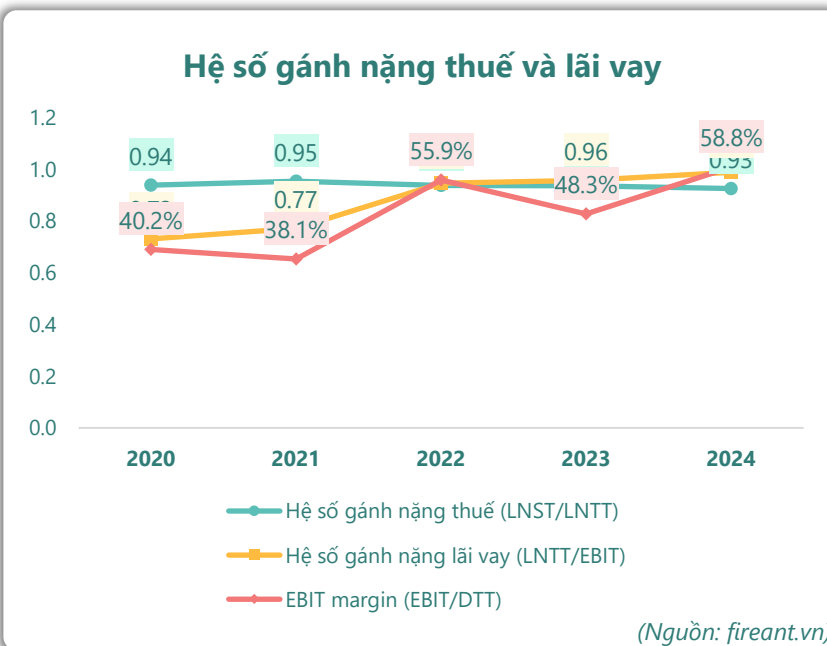
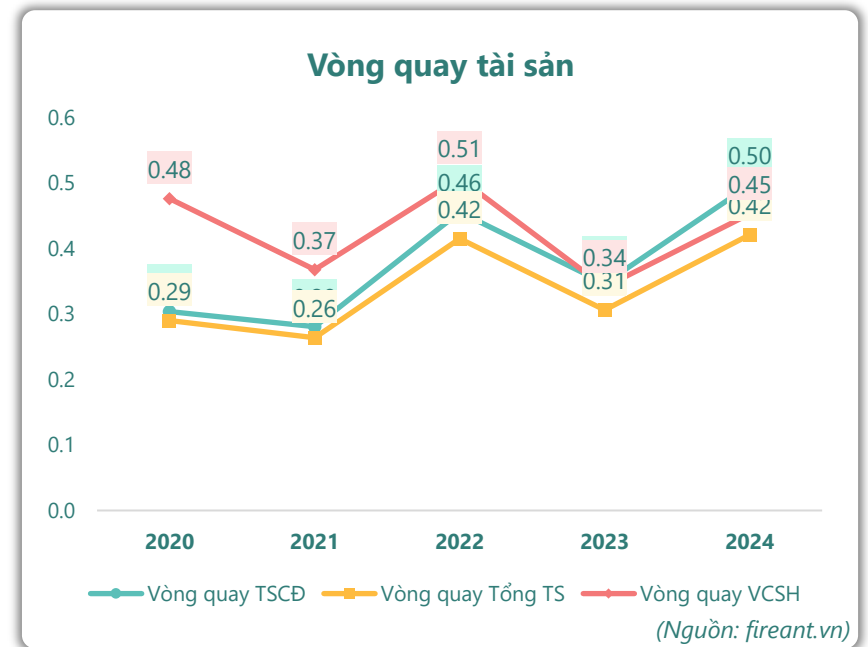
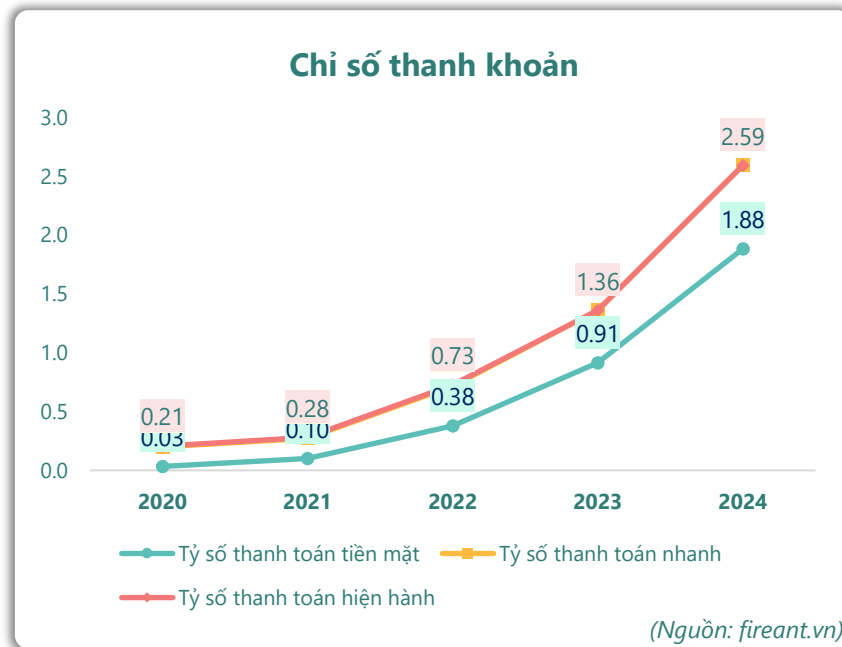
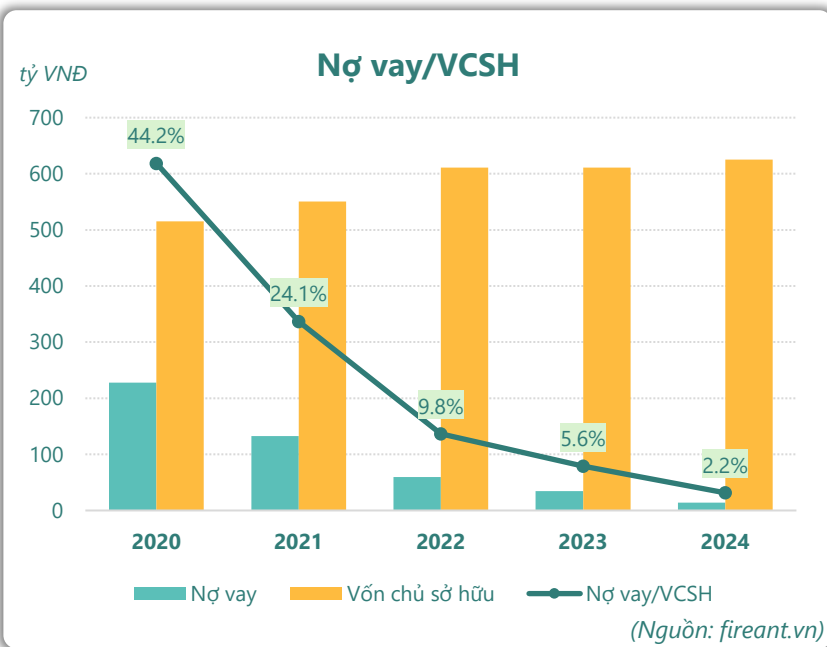
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	90.0	97.2	-7.4%	198	207	-4.5%
Giá vốn hàng bán	35.9	34.5	4.2%	83.5	79.8	4.7%
Lợi nhuận gộp	54.1	62.7	-13.8%	115	128	-10.2%
Doanh thu HĐTC	0.28	0.19	45.7%	1.09	0.42	159%
Chi phí TC	0.58	0.40	45.2%	1.48	1.56	-5.2%
Chi phí lãi vay	0.57	0.40	41.3%	1.43	1.56	-8.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.30	1.36	-4.5%	4.34	3.96	9.6%
LN thuần từ HĐKD	52.5	61.2	-14.3%	110	122	-10.3%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.09	0.03	211%
LN trước thuế	52.5	61.2	-14.3%	110	122	-10.3%
Lợi nhuận sau thuế	47.1	56.7	-16.9%	98.7	113	-12.8%
LNST của CĐ cty mẹ	47.1	56.7	-16.9%	98.7	113	-12.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.9	87.2	55.0	31.7	20.0	72.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.06	0.02	-0.14	0.26	-0.30	0.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.3	-20.8	-54.4	-36.4	-44.5	-46.0
Tiền đầu kỳ	25.2	9.96	76.4	76.9	72.4	47.7
Lưu chuyển tiền thuần	-15.3	66.5	0.47	-4.45	-24.7	27.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	-0.03	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	9.96	76.4	76.9	72.4	47.7	74.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	658	666	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	114	106	7.3%
Tiền và tương đương tiền	74.7	76.9	-2.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	38.8	28.9	34.3%
Hàng tồn kho	0.04	0.04	-11.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.04	37.3%
Tài sản dài hạn	544	560	-2.9%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	526	547	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.35	7.43	-1.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	10.6	5.91	79.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	72.0	40.8	76.6%
Nợ ngắn hạn	68.4	40.8	67.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	37.2	14.0	165%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.04	3.29	83.9%
Nợ dài hạn	3.65	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	3.65	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	585	625	-6.3%
Vốn chủ sở hữu	585	625	-6.3%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

